TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 50/2024/DS-PT Ngày: 01 - 02 - 2024 "V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Bình

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 573/202/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu T; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Lê Minh Đ; cư trú tại: số I đường Đ, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (Văn bản uỷ quyền ngày 22/12/2023). Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim H; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

2. Bà Phạm Thị Bích N; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bày như sau:*

Vào tháng 8/2022 ông và ông Nguyễn Văn T1 có hùn vốn làm ăn chung mỗi người 300.000.000 đồng, như vậy hai bên hùn với số vốn là 600.000.000 đồng. Nhưng bị đơn không có vốn hùn nên ông đưa ra 300.000.000 đồng cho bị đơn vay và hùn làm ăn chung. Việc cho vay tiền hai bên không làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, thời hạn trả là 12 tháng, từ khi vay đến nay bị đơn có trả tiền lãi suất cho nguyên đơn.

Mục đích hai bên hùn tiền làm ăn là để mua mỡ động vật rồi bán lại cho Công ty Tuấn Thành . Lúc đầu Công ty tự liên hệ nhận hàng, sau này thì nguyên đơn, bị đơn giao hàng cho Công ty.

Đến khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến 01/2023 ông và ông T1 không làm ăn chung nữa. Đồng thời khi làm ăn chung có dùng số tiền hùn mua 01 chiếc xe tải, nguyên đơn lấy 01 chiếc xe tải để trừ cho tiền vay của bị đơn là 150.000.000 đồng. Sau đó, bà N vợ ông bị đơn có chuyển trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, khi khấu trừ các khoản thì bị đơn còn nợ lại ông tiền vay là 100.000.000 đồng.

Ông có yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng nhưng ông T1 không trả nên ông có yêu cầu hòa giải tại ban nhân dân ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Tại "Biên bản hòa giải của tổ hòa giải" ngày 10/7/2023 thì bị đơn thừa nhận còn nợ ông 100.000.000 đồng. Nên ông yêu cầu ông T1, bà N cùng có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền vay còn nợ lại là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà N chỉ yêu cầu ông T1 trả tiền nợ vay còn lại cho ông là 100.000.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận trước đây ông và ông T1 có hùn vốn làm ăn trước đó, sổ sách do vợ ông là bà H ghi chép và theo dõi. Tiền hùn cũng đã thanh toán hết rồi còn phần ông khởi kiện là tiền ông T1 vay của ông chưa trả hết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn lời trình bày như sau:*

Bị đơn thừa nhận có hùn vốn làm ăn với ông T từ tháng 11/2021, ông hùn một xe tải nhỏ trị giá 100.000.000 đồng và tiền là 100.000.000 đồng và ông T hùn vốn là tiền 200.000.000 đồng.

Đến tháng 8/2022 thì ông và ông T tiếp tục hùn vốn, ông T có yêu cầu mỗi bên hùn số tiền là 300.000.000 đồng, như vậy hai bên là 600.000.000 đồng. Do ông không có tiền hùn nên đồng ý vay của ông T 300.000.000 đồng để hùn vốn làm ăn. Việc cho vay này thì hai bên không làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, mỗi tháng ông trả tiền lãi suất cho nguyên đơn là 6.000.000 đồng, thời hạn trả là 12 tháng. Ông T1 trả lãi cho ông T được 06 tháng thì không trả lãi suất nữa.

Quá trình làm ăn chung với nhau hai bên mua 01 xe tải, khi tách ra thì ông T lấy chiếc xe này và xác định phần tài sản của ông trong chiếc xe tải này là 150.000.000 đồng và sau khi cấn trừ thì ông còn nợ ông T là 150.000.000 đồng. Ông không đồng ý với số tiền cấn trừ này vì ông T không rõ ràng tiền bạc khi hùn làm ăn chung.

Sau đó, ông T1 có chuyển trả cho ông T số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, do bà N (vợ ông T1) chuyển khoản trả cho ông T vào tháng 12/2022.

Quá trình hai bên làm ăn có ghi vào sổ sách nhưng không rõ ràng nên ông không đồng ý trả cho ông T 100.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe tải nhỏ ban đầu ông T1 hùn với ông T thì ông T1 đã nhận lại nên không ý kiến gì thêm.

Tại buổi hòa giải cơ sở ngày 10/7/2023 ông T1 thừa nhận có ký tên vào biên bản và thừa nhận còn nợ lại 50.000.000 đồng. Nên ông T1 chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng tại buổi hòa giải. Do ông T không đồng ý nhận 50.000.000 đồng và khởi kiện ra Tòa yêu cầu trả 100.000.000 đồng nên ông không đồng ý trả tiền cho ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 cho rằng việc mua bán sổ sách thu chi do bà H vợ ông T ghi, bà H có đưa cho ông xem nhưng ông xem không hiểu và không có ý kiến gì. Ông đề nghị phải làm rõ ràng sổ sách thì ông mới đồng ý trả tiền vay cho ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên qua bà N quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày như sau: Bà là vợ của bị đơn, việc hùn vốn làm ăn chung giữa ông T và ông T1 như thế nào bà không biết. Bà thừa nhận ông T1 có chuyển trả cho ông T (do bà chuyển khoản dùm ông T1 trả cho ông T) số tiền 50.000.000 đồng vào tháng 12/2022. Qua vụ án này bà không có ý kiến gì để cho ông T và ông T1 tự giải quyết với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H trình bày như sau: Việc nguyên đơn và bị đơn hùn làm ăn chung lần đầu tiên vào tháng 02/2022, phần ông T1 hùn là 01 chiếc tải nhỏ trị giá 100.000.000 đồng và tiền mặc 90.000.000 đồng, phần ông T hùn là 190.000.000 đồng. Nên trong sổ "Tổng kết" có ghi tổng số vốn là 280.000.000 đồng (không tính chiếc xe ông T1 hùn chỉ ghi tiền mặc 2 bên hùn làm ăn chung). Việc hùn làm ăn là mua mỡ động vật còn tươi về chế biến lại, hoặc đã nấu sẵn về giao lại cho Công ty Tuấn Thành , lúc đầu Công ty tự lấy hàng sau này ông T1 và ông T cùng đi giao cho Công ty. Quá trình mua bán có ghi đầy đủ trong sổ số tiền cụ thể, mỗi lần giao hàng xong tính tiền đưa sổ cho bị đơn xem, ngoài ra việc mua bán có lời có lỗ, có rút vốn ra chi sài, mua đồ lặt vặt sử dụng trong quá trình mua bán, đến ngày 14/7/2022 còn lại số tiền 109.576.000 đồng.

Đến khoảng tháng 07 tháng 8/2022 lại tiếp tục hùn thêm vốn làm ăn, ông T hùn 300.000.000đồng, ông T1 cũng hùn 300.000.000 đồng. Nhưng do ông T1 không có tiền nên ông T1 vay của ông T 300.000.000 đồng để hùn vốn làm ăn. Thỏa thuận lãi suất là 2%, thời hạn vay là 12 tháng. Đến khoảng tháng 12/2022

đến tháng 01/2023 không làm chung nữa nên bà đã tổng số vào ngày 10/01/2023 số tiền vốn hùn từ đầu đến cuối còn lại 212.523.000 đồng. Như vậy, chia ra mỗi bên còn lại 106.000.000 đồng tính tròn số. Bà trực tiếp chuyển khoản cho ông T1 100.000.000 đồng, còn thiếu lại 6.000.000 đồng. Do ông T1 thiếu nợ lãi suất 06 tháng là 36.000.000 đồng nên ông T1 chuyển cho ông T 30.000.000 đồng xem như đã thanh toán xong số tiền hùn vốn làm ăn từ đầu đến cuối.

Còn số tiền ông T1 vay của ông T để hùn vốn 300.000.000 đồng, ông T lấy xe tải và trừ cho ông T1 trị giá 150.000.000 đồng, bà N chuyển cho ông T 50.000.000 đồng. Như vậy ông T1 còn nợ lại ông T số tiền 100.000.000 đồng đề nghị bị đơn trả tiền này cho ông T. Ông T1 thừa nhận có nợ ông T số tiền 100.000.000 đồng tiền vay nên có trả tiền lãi suất 2.000.000 đồng/tháng cho ông T từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2023 là 04 lần.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc tranh chấp đòi nợ vay tài sản. Buộc ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền nợ vay còn lại là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải trả tiền lãi suất đối với tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ông Nguyễn Hữu T được nhân lại số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006880 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 25 tháng 9 năm 2023, ông Nguyễn Văn T1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo và bổ sung yêu cầu nguyên đơn phải xuất trình sổ sách việc hùn vốn làm ăn giữa hai bên. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng giữa hai bên có quan hệ vay tài sản và hùn vốn làm ăn. Quá trình giải quyết ở sơ thẩm, bị đơn không phản tố về quan hệ hùn vốn. Tại biên bản hoà giải cơ sở, bị đơn thừa nhận còn nợ 100.000.000 đồng. Đây là tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho

nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Toà án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo lời trình bày của các bên đương sự cho thấy, nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hùn vốn làm ăn và quan hệ vay tài sản. Đơn khởi kiện chỉ tranh chấp nợ vay. Bị đơn không phản tố. Do vậy, trong phạm vi xét xử, Toà án chỉ giải quyết quan hệ vay tài sản.

[3] Các bên đều xác định việc nguyên đơn cho bị đơn vay 300.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nhận chiếc xe tải để trừ nợ vay 150.000.000 đồng. Vợ bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng. Biên bản hoà giải của tổ hoà giải ngày 10/7/2023 thể hiện rõ bị đơn còn nợ nguyên đơn 100.000.000 đồng. Số tiền này là phù hợp với số liệu, phù hợp với việc bị đơn đã trả lãi hàng tháng. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở vững chắc. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, bị đơn kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm nhưng qua xem xét Toà án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng nên không có căn cứ để hủy bản án.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền nợ vay còn lại là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải trả tiền lãi đối với tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ông Nguyễn Hữu T được nhân lại số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006880 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006932 ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, coi như bị đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND huyện Vĩnh Thạnh;
- THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.